

Số: 503 /QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành chương trình đào tạo
Đại học chính quy Khóa 9

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 08/8/2018 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy áp dụng từ Khóa 9” của Học viện Chính sách và Phát triển” (*Chương trình kèm theo*).


Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện chương trình, nếu phát sinh những vấn đề cần điều chỉnh, thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo đề nghị Giám đốc Học viện xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng các Khoa/Bộ môn, Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên Khóa 9 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC


PGS, TS. Đào Văn Hùng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
(UNDERGRADUATE CURRICULUM FOR PUBLIC POLICY MAJOR)

*(Ban hành theo Quyết định số 503/QĐ-HVCSPT ngày 8 tháng 8 năm 2018
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO:	52310205
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:	CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH:	QUẢN LÝ CÔNG

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân về Quản lý công có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, tinh thần vì cộng đồng xã hội; tuân thủ pháp luật, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu về Quản lý, phân tích đầu tư, tài chính kế toán và truyền thông trong khu vực công; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự học bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Việc đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản lý công tại Học viện Chính sách và Phát triển hướng đến các mục tiêu sau:

+ Đào tạo cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống và hiện đại theo chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới về Quản lý Công, có kiến thức cơ bản về phân tích, và đánh giá chính sách, tổ chức quản lý và triển khai thực hiện các chính sách ở các cấp độ khác nhau trong bộ máy hành chính nhà nước;

+ Đào tạo cho người học những kiến thức về quản lý chuyên sâu để có thể làm chuyên viên, cán bộ quản lý tại các phòng, ban chuyên môn tổ chức công. Sự kết hợp giữa kiến thức quản lý nhà nước và quản lý công sở hiện đại sẽ giúp sinh viên có thể nhanh chóng hòa nhập với môi trường làm việc, có đủ kiến thức và năng lực để đảm nhiệm tốt các yêu cầu của công việc.

+ Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kinh tế học, chính sách công, quản lý công, tư tưởng chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, và pháp luật và nhà nước cũng như khả năng phân tích, đánh giá và nhìn nhận các vấn đề cơ bản đó trong bối cảnh thực tiễn Việt Nam hiện nay.

+ Trang bị cho người học kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm; kỹ năng hoạch định và đề xuất các giải pháp chính sách, quản lý phù hợp cho tổ chức, đơn vị.

+ Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một nhà quản lý, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, có trách nhiệm trong công việc và tinh thần làm việc vì sự phát triển của nhân loại.

1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

+ Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo văn bản, tài liệu về quản lý công, chính sách công và pháp luật khác.

+ Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), đây là những chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính và tin học văn phòng do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

+ Có đủ điều kiện và khả năng tự học, tự nghiên cứu để phát triển trình độ kiến thức chuyên môn trong các lĩnh vực quản lý khác nhau và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

+ Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành quản lý chuyên ngành, quản lý kinh tế, chính sách công, hoặc kinh tế và quản lý công, khoa học quản lý, luật kinh tế với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

+ Đảm bảo sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có tư duy và tầm nhìn thực tế về những vấn đề liên quan đến quản lý, kinh tế và xã hội.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Về kiến thức

2.1.1. Kiến thức cơ bản

[1]. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[2]. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, quản lý, đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực công và tư

[3]. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng các công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề về kinh tế, quản lý kinh tế, quản lý công, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, phân biện những vấn đề liên quan đến kinh tế, quản lý.

[4]. Hiểu về quy trình chính sách và tác động của chính sách, biết vận dụng các kiến thức về quản lý công trong việc lập kế hoạch, hoạch định, tổ chức thực hiện và đề xuất các hàm ý chính sách cho các chương trình, dự án phát triển và chính sách của một tổ chức.

[5]. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

2.1.2. Kiến thức chuyên sâu

[6]. Hiểu về vai trò, vị trí tổ chức hệ thống chính trị, bộ máy nhà nước Việt Nam và những nội dung cơ bản trong Hiến pháp Việt Nam

[7]. Hiểu về các lĩnh vực pháp luật khác như: Pháp luật đầu tư, pháp luật lao động, pháp luật sở hữu trí tuệ, đất đai, môi trường, giao dịch điện tử, thương mại.

[8]. Hiểu về bản chất, vai trò của hoạt động của quản lý trong kinh tế, xã hội, đầu tư phát triển, quản lý công; đầu tư công và quan hệ quốc tế trong đầu tư; quản lý tài chính công; quản lý Nhà nước về kinh tế; quản lý nguồn nhân lực;

[9]. Biết vận dụng các kiến thức về quản lý công, quản lý kinh tế trong nền kinh tế số; có đủ kiến thức để phục vụ quá trình chuyển đổi nền kinh tế và tiến tới nền kinh tế thị trường hiện đại.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

[10]. Kỹ năng xử lý tình huống, có khả năng làm việc độc lập dưới áp lực về thời gian và khối lượng công việc, có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn.

[11]. Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn trong phân tích và đề xuất các phương thức quản lý trong các lĩnh vực kinh tế, đầu tư – kinh doanh; vận hành khu vực hành chính công và các hoạt động kinh tế xã hội trong khu vực khác.

2.2.2. Kỹ năng mềm

[12]. Có kỹ năng giao tiếp tốt và thuyết trình: Trình bày một cách rõ ràng, tự tin và thuyết phục các chủ đề về kinh tế, quản lý; khu vực công và xã hội. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

[13]. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong môi trường làm việc bằng tiếng Anh

[14]. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và điều hành công việc, đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

[15]. Trở thành công dân có sức khỏe tốt, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức chấp hành pháp luật trong nghề nghiệp, thái độ hợp tác trong công việc, có trách nhiệm trong công việc được giao, có thái độ hợp tác tốt với đồng nghiệp, tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

[16]. Có khả năng thích ứng trong môi trường nghề nghiệp mang tính cạnh tranh và quốc tế, sẵn sàng đương đầu với rủi ro, khó khăn, luôn kiên trì, tự tin, lạc quan, sáng tạo trong công việc và cuộc sống.

[17]. Có ý thức tự rèn luyện và nâng cao năng lực chuyên môn.

3. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																			
1	TOCC01	Toán cao cấp 1		x	x												x	x	x
2	TOCC02	Toán cao cấp 2		x	x												x	x	x
3	THĐL04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	x		x	x	x								x				
4	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	x																
5	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	x																
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			x														
7	THNL01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	x	x													x	x	x
8	THNL02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	x														x	x	x
9	LUĐC01	Pháp luật đại cương			x														
10	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x																
11	NNCS10	Tiếng anh tổng quát 1	x																
12	NNCS11	Tiếng anh tổng quát 2																	
13	NNCS12	Tiếng anh tổng quát 3																	
14	NNCS13	Tiếng anh tổng quát 4																	
15	TOĐC06	Tin học đại cương			x														
16	THML04	Triết học Mác - Lênin																	
17	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh																	
18	GDTC01	Giáo dục thể chất 1																	
19	GDTC02	Giáo dục thể chất 2																	

20	GDTC03	Giáo dục thể chất 3																	X	X	X
21	GDTC04	Giáo dục thể chất 4																	X	X	X
22	GDTC05	Giáo dục thể chất 5																	X	X	X
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																					
2.1. Kiến thức cơ sở ngành																					
<i>2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc</i>																					
21	CSCS11	Chính sách công						X	X	X	X								X	X	X
23	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô						X		X									X	X	X
25	CSCT02	Chính trị học so sánh						X	X										X	X	X
26	QLCD01	Chuyên đề thực tế						X		X									X	X	X
27	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1						X											X	X	X
28	QHDL07	Địa lý Kinh tế							X										X	X	X
29	KHCC06	Kinh tế công cộng																			
30	TOKT05	Kinh tế lượng																			
31	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ																			
32	TCKT01	Nguyên lý kế toán																			
33	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế																			
34	CSPT11	Phân tích chính sách																			
35	CSQL11	Quan lý công																			
<i>2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn</i>																					
29	TCHC08	Kế toán hành chính sự nghiệp						X	X	X									X	X	X
30	KHĐT05	Kinh tế đầu tư						X											X	X	X
31	KHĐT10	Kinh tế đầu tư									X								X	X	X
32	QHMT08	Kinh tế môi trường							X				X						X	X	X
33	KHKT11	Kinh tế phát triển							X	X			X						X	X	X
34	KHKT07	Kinh tế phát triển												X					X	X	X
35	ĐNQT02	Kinh tế quốc tế						X					X						X	X	X

4. Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm
5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ
6. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
8. Thang điểm: Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ
9. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (Không bao gồm GDTC&QP)	41	15	31.5%
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89	38	68.5%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	27	9	20.8%
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	18	6	13.8%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	3	6.9%
2.2. Kiến thức ngành	28	10	21.5%
2.2.1. Ngành bắt buộc	19	7	14.6%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	3	6.9%
2.3. Kiến thức chuyên ngành	24	15	18.5%
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	15	5	11.5%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	3	6.9%
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	2	7.7%
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	130	38-53	100%

10. Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý công

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
1. Giáo dục đại cương			41	31,5%
1	TOCC01	Toán cao cấp 1	2	2
2	TOCC02	Toán cao cấp 2	2	1
3	THĐL04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	4
4	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	2
5	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	3
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	THNL01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	3	3
8	THNL02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3
9	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
10	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	1
11	NNCS10	Tiếng anh tổng quát 1	3	1
12	NNCS11	Tiếng anh tổng quát 2	3	2
13	NNCS12	Tiếng anh tổng quát 3	3	3
14	NNCS13	Tiếng anh tổng quát 4	3	4
15	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
16	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
17	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
2. Giáo dục quốc phòng			8	6,1%
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	
3. Giáo dục thể chất			6	4,6%
1	GDTC01	Giáo dục thể chất 1	1	1
2	GDTC02	Giáo dục thể chất 2	1	2
3	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	1	3
	GDTC04	Giáo dục thể chất 4	1	4
	GDTC05	Giáo dục thể chất 5	1	5
4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành			18	13,8%
1	CSCS11	Chính sách công	3	5
2	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	3	5
3	CSCT02	Chính trị học so sánh	3	2
4	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	7
5	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3	7
6	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3	3
7	KHCC06	Kinh tế công cộng	3	4
8	TOKT05	Kinh tế lượng	3	3
9	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	4
10	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	4

11	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3
12	CSPT11	Phân tích chính sách	3	5
13	CSQL11	Quản lý công	3	7
5.Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành			9	6,9%
1	QLPP06	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP	2	6
2	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP	3	5
3	CSDV04	Quản lý chất lượng dịch vụ công	3	4
4	CSQL12	Quản lý doanh nghiệp công	3	6
5	CSKV05	Quản lý khu vực công	3	7
6	CSKV03	Quản lý khu vực công	2	7
7	QTHO18	Quản trị học	2	5
8	QTHO06	Quản trị học	3	5
9	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	
6.Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành			19	14,6%
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	6
2	CSCX07	Chính sách xã hội	3	4
3	KHCO09	Đầu tư công	3	3
4	CSHC06	Hành chính công	3	3
5	CSMR08	Marketing dịch vụ công	3	3
6	CSNL09	Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công	3	5
7	CSQL13	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	6
8	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	5
9	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	4
10	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
11	KHCC06	Kinh tế công cộng	3	6
12	CSHC05	Hành chính công	2	6
13	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	4
7.Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành			9	6,9%
1	QTOB01	Hành vi tổ chức	3	3
2	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	2
3	ĐNQTO9	Kinh tế quốc tế	3	4
4	CSTC14	Tổ chức điều hành và quản lý công sở	3	5
5	CSVH16	Văn hoá tổ chức	3	3
6	CSCT02	Chính trị học so sánh	3	6
7	CSCX07	Chính sách xã hội	3	5
8	TCHC08	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	7
8.Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành			15	11,5%
1	CSQL11	Quản lý công	3	7
2	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	5
3	CSQL13	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	6
4	CSNL09	Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công	3	7
5	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	7

9. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành			9	6,9%
1	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP	3	7
2	QTHO06	Quản trị học	3	1
3	QTCC01	Quan hệ công chúng	3	2
4	CSDV04	Quản lý chất lượng dịch vụ công	3	6
5	KHPT15	Kế hoạch hóa phát triển	3	5
6	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	7
10. Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp			10	7,6%
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
2.1	CSTN01	Chính sách công nâng cao	3	8
2.2	CSTN02	Quản lý công nâng cao	3	8
TỔNG			130	

Ghi chú: (*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
(UNDERGRADUATE CURRICULUM FOR FINANCE - BANKING MAJOR)**

*(Ban hành theo Quyết định số 503/QĐ-HVCSPT ngày 08 tháng 8 năm 2018
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO:	52340201
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:	CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH:	TÀI CHÍNH

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Tài chính – Ngân hàng đáp ứng các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc..

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về giáo dục đại cương, kiến thức căn bản về ngành Tài chính – Ngân hàng và kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Tài chính hoặc Ngân hàng để sinh viên có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và sáng tạo trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, ngân hàng và các loại hình tổ chức kinh tế – xã hội khác.

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng chuyên môn, thực hành nghiệp vụ, kỹ năng phân tích, nghiên cứu, ứng dụng ngoại ngữ, tin học, các kỹ năng mềm khác... để trở thành một cán bộ tài chính, ngân hàng chuyên nghiệp, làm việc một cách có hiệu quả trong môi trường kinh doanh hội nhập quốc tế và áp dụng công nghệ hiện đại.

Giúp cho sinh viên hiểu rõ và trau dồi phẩm chất đạo đức, tác phong của một cán bộ tài chính, ngân hàng; có ý thức trách nhiệm, nhiệt tình, tâm huyết và tự tin với nghề nghiệp, với công việc được giao.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Về kiến thức

2.1.1. Kiến thức chung của ngành

[1] Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[2] Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

[3] Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

[4] Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

[5] Có kiến thức căn bản về nền kinh tế nói chung và ngành Tài chính – Ngân hàng nói riêng như: Kiến thức về tài chính, tiền tệ, thị trường tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, thuế, tài chính công, tài chính quốc tế...

[6] Có khả năng vận dụng các kiến thức căn bản về kinh tế, Tài chính - Ngân hàng vào thực tiễn trong các hoạt động tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, đầu tư, chứng khoán, bảo hiểm.

2.1.2. Kiến thức chuyên sâu

[7] Nắm vững các kiến thức chuyên sâu về quản lý tài chính công, quản lý tài chính doanh nghiệp hiện đại, bao gồm các kiến thức và nghiệp vụ về phân tích tài chính doanh nghiệp, quản trị rủi ro tài chính, đầu tư tài chính, thuế trong doanh nghiệp, thuế và hệ thống thuế của Nhà nước, vv.

[8] Nắm vững và có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh, kế toán doanh nghiệp.

[9] Hiểu, vận dụng và phân tích được kiến thức chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp: Chi phí, doanh thu, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận; rủi ro và tỷ suất sinh lời; đầu tư dài hạn và định giá tài sản; vốn kinh doanh của doanh nghiệp; nguồn vốn và các công cụ huy động vốn của doanh nghiệp. Đánh giá, tổng hợp và giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực tài chính.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

[10] Có kỹ năng tư duy chiến lược, tư duy quản trị, có thể nhận thức và phân tích các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, để vận dụng linh hoạt vào các hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nói chung.

[11] Có thể nhận thức các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, kỹ năng thu thập thông tin dữ liệu, phân tích, tổng hợp, đánh giá, lập luận, vận dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kiến thức của nhóm ngành tài chính để giải quyết các vấn đề thực tế về kinh tế, tài chính, ngân hàng ở tầm vi mô và vĩ mô.

Đối với chuyên ngành Tài chính: Có kỹ năng về nghiệp vụ chuyên nghiệp trên tất cả các hoạt động tài chính - kế toán tại các loại hình doanh nghiệp trong nước và quốc tế và một số kỹ năng nghiệp vụ quan trọng khác về đầu tư, ngân hàng, tài chính công, tài chính quốc tế, vv.

[12] Khả năng sử dụng Ngoại ngữ và tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

+ Ngoại ngữ: Đối với hệ đại học chuẩn (đại trà), sinh viên cần đạt chứng chỉ 450 TOEIC quốc tế hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (450 TOEFL ITP; 45 TOEFL iBT; 4.5 IELTS).

+ Tin học: Sinh viên cần đạt 2 trong 3 chứng chỉ tin học quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) bao gồm Word, Excel và PPT đạt tổng điểm tối thiểu 1400. Hoặc đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/3014/TT-BTTTT).

2.2.2. Kỹ năng mềm

[13] Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành, khả năng tự học và nghiên cứu khoa học... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

[14] Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng.

2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

[15] Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

[16] Khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

[17] Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

3. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	CHUẨN ĐẦU RA																	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1. Giáo dục đại cương																				
1	KHMI01	Kinh tế vi mô 1			x															
2	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1			x															
3	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			x															
4	LUĐC01	Pháp luật đại cương		x																
5	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x		x								x							
6	TOĐC06	Tin học đại cương																		
7	TOCC01	Toán cao cấp 1			x															
8	TOCC02	Toán cao cấp 2			x															
9	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x																	
10	THNL02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	x																	
11	THĐL04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	x																	
12	THNL01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	x																	
13	NNCS10	Tiếng anh tổng quát 1			x									x						
15	NNCS12	Tiếng anh tổng quát 3												x						
16	NNCS13	Tiếng anh tổng quát 4												x						
2.--> Giáo dục quốc phòng																				
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng																	x	
3.--> Giáo dục thể chất																				
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1																	x	

2	TCTN02	Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao				x					x					x				x						x		
3	TCTN01	Tài chính doanh nghiệp nâng cao				x					x					x				x						x		
		TỔNG SỐ (không bao gồm GDTc&GDQP)																										

- 4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:** 3,5 - 4 năm
- 5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:** 132 tín chỉ
- 6. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
- 7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
- 8. THANG ĐIỂM:** Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

9. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- 7.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc:* 31 tín chỉ
- 7.2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:* 38 tín chỉ
- 7.3. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn:* 6 tín chỉ
- 7.4. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn:* 8 tín chỉ
- 7.5. Kiến thức Giáo dục đại cương:* 45 tín chỉ
- 7.6. Kiến thức lựa chọn tốt nghiệp:* 6 tín chỉ
- Tổng số tín chỉ:** **134 tín chỉ**

10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tài chính				
TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương			45	
1	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	
2	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	
3	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
4	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	
5	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	
6	TOĐC06	Tin học đại cương	3	
7	TOCC01	Toán cao cấp 1	2	
8	TOCC02	Toán cao cấp 2	2	
9	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
10	THNL02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	

11	THĐL04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
12	THNL01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	3	
13	NNCS10	Tiếng anh tổng quát 1	3	
14	NNCS11	Tiếng anh tổng quát 2	3	
15	NNCS12	Tiếng anh tổng quát 3	3	
16	NNCS13	Tiếng anh tổng quát 4	3	
2.--> Giáo dục quốc phòng				
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8	
3.--> Giáo dục thể chất				
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2	
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2	
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2	
3.Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành			31	
1	TCKQ01	Kế toán quản trị	3	
2	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3	
3	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	
4	TCKK06	Phân tích và Đầu tư chứng khoán	3	
5	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	
6	ĐTRR06	Quản trị rủi ro	3	
7	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	
8	TCKK25	Thị trường chứng khoán	3	
9	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	
10	TCDN22	Tài chính doanh nghiệp 2	3	
4.Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành			38	
1	CSCS11	Chính sách công	3	
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	
3	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3	
4	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3	
5	TCKH04	Kế toán tài chính	3	
6	TOKT05	Kinh tế lượng	3	
7	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	
8	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	
9	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	
10	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	
11	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	
12	TCTD01	Thẩm định tín dụng	3	
13	TCTH11	Thuế	3	
5.Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành			6	
1	TCKT05	Kế toán ngân hàng	3	
2	TCTW01	Ngân hàng Trung ương	3	
3	TCQT12	Tài chính quốc tế	3	
4	TCQT13	Tài chính quốc tế	2	
5	TCKT22	Kiểm toán tài chính	2	

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
(UNDERGRADUATE CURRICULUM FOR FINANCE - BANKING MAJOR)**

*(Ban hành theo Quyết định số 503/QĐ-HVCSPT ngày 08 tháng 8 năm 2018
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO:	52340201
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:	CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH:	TÀI CHÍNH – CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Tài chính – Ngân hàng đáp ứng các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc..

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về giáo dục đại cương, kiến thức căn bản về ngành Tài chính – Ngân hàng và kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Tài chính hoặc Ngân hàng để sinh viên có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và sáng tạo trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, ngân hàng và các loại hình tổ chức kinh tế – xã hội khác.

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng chuyên môn, thực hành nghiệp vụ, kỹ năng phân tích, nghiên cứu, ứng dụng ngoại ngữ, tin học, các kỹ năng mềm khác... để trở thành một cán bộ tài chính, ngân hàng chuyên nghiệp, làm việc một cách có hiệu quả trong môi trường kinh doanh hội nhập quốc tế và áp dụng công nghệ hiện đại.

Giúp cho sinh viên hiểu rõ và trau dồi phẩm chất đạo đức, tác phong của một cán bộ tài chính, ngân hàng; có ý thức trách nhiệm, nhiệt tình, tâm huyết và tự tin với nghề nghiệp, với công việc được giao.

2. Chuẩn đầu ra



2.1. Về kiến thức

2.1.1. Kiến thức chung của ngành

[1] Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thể giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[2] Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

[3] Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

[4] Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

[5] Có kiến thức căn bản về nền kinh tế nói chung và ngành Tài chính – Ngân hàng nói riêng như: Kiến thức về tài chính, tiền tệ, thị trường tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, thuế, tài chính công, tài chính quốc tế...

[6] Có khả năng vận dụng các kiến thức căn bản về kinh tế, Tài chính - Ngân hàng vào thực tiễn trong các hoạt động tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, đầu tư, chứng khoán, bảo hiểm.

2.1.2. Kiến thức chuyên sâu

[7] Hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu, các kỹ năng để phân tích, đánh giá, và đề xuất các giải pháp liên quan đến hoạt động quản trị tài chính doanh nghiệp hiện đại trong bối cảnh hội nhập quốc tế như: phân tích tình hình hoạt động kinh doanh, phân tích tình hình và quản trị tài chính của doanh nghiệp, phân tích các dự án và cơ hội đầu tư,...

[8] Nắm vững và vận dụng được kiến thức chuyên sâu để thực hành các nghiệp vụ cơ bản trong hoạt động kế toán, thuế, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán....

[9] Hiểu và có kiến thức chuyên sâu về tài chính quốc tế, về mối liên hệ giữa lạm phát, lãi suất và tỷ giá cũng như ảnh hưởng của các biến số này tới nền kinh tế quốc gia cũng như hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

[10] Có kỹ năng tư duy chiến lược, tư duy quản trị, có thể nhận thức và phân tích các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, để vận dụng linh hoạt vào các hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nói chung.

[11] Có thể nhận thức các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, kỹ năng thu thập thông tin dữ liệu, phân tích, tổng hợp, đánh giá, lập luận, vận dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kiến thức của nhóm ngành tài chính để giải quyết các vấn đề thực tế về kinh tế, tài chính, ngân hàng ở tầm vi mô và vĩ mô. Có kỹ năng nghiệp vụ trong các ngành nghề khác nhau như kế toán, thuế, tài chính doanh nghiệp, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm.... tại các đơn vị công hoặc doanh nghiệp tư nhân trong nước và quốc tế. Sẵn sàng thích ứng khi thay đổi vị trí công tác hoặc công việc hay môi trường làm việc ở cả trong nước và quốc tế.

[12] Khả năng sử dụng Ngoại ngữ và tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

+ Ngoại ngữ: Đối với hệ Chất lượng cao, sinh viên cần đạt chứng chỉ IELTS 5.5 quốc tế hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế 4 kỹ năng tương đương (500 TOEFL ITP; 61 TOEFL iBT).

+ Tin học: Sinh viên cần đạt 2 trong 3 chứng chỉ tin học quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) bao gồm Word, Excel và PPT đạt tổng điểm tối thiểu 1400. Hoặc đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/3014/TT-BTTTT).

2.2.2. Kỹ năng mềm

[13] Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành, khả năng tự học và nghiên cứu khoa học... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

[14] Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng.

2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

[15] Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

[16] Khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

[17] Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

3. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Môn học	Học phần	Chuẩn đầu ra																		
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC & GDQP)																					
1	THNL01	Nguyên lý Mac - Lenin 1	x														x				x
2	THNL02	Nguyên lý Mac - Lenin 2	x														x				x
3	THDL04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x														x				x
4	THTT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x														x				x
5	TOCC03	Toán cao cấp 1			x																x
6	TOCC02	Toán cao cấp 2			x																x
7	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			x																x
8	KHMI01	Kinh tế vi mô 1			x																x
9	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1			x																x
10	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x																		x
11	TOĐC06	Tin học đại cương																			x
12	NNIL1.1	Tiếng Anh IELTS 1.1																			x
13	NNIL1.2	Tiếng Anh IELTS 1.2																			x
14	NNIL1.3	Tiếng Anh IELTS 1.3																			x

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:	3,5 - 4 năm
5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:	142 tín chỉ
6. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:	Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
8. THANG ĐIỂM:	Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ
9. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	
<i>7.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc:</i>	28 tín chỉ
<i>7.2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:</i>	27 tín chỉ
<i>7.3. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn:</i>	12 tín chỉ
<i>7.4. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn:</i>	12 tín chỉ
<i>7.5. Kiến thức Giáo dục đại cương:</i>	57 tín chỉ
<i>7.6. Kiến thức lựa chọn tốt nghiệp:</i>	6 tín chỉ
Tổng số tín chỉ:	142 tín chỉ

10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số TC	Học kỳ
1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC và GDQP)			57	
1	THNL01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mac - Lenin 1	3	1
2	THNL02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mac - Lenin 2	3	2
3	THDL04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	1
4	THTT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	2
5	TOCC03	Toán cao cấp 1	3	1
6	TOCC02	Toán cao cấp 2	3	2
7	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3
8	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	3
9	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	4
10	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	5
11	TOĐC06	Tin học đại cương	3	3
12	NNIL1.1	Tiếng Anh IELTS 1.1	6	1
13	NNIL1.2	Tiếng Anh IELTS 1.2	6	2
14	NNIL1.3	Tiếng Anh IELTS 1.3	6	3
15	NNIL1.4	Tiếng Anh IELTS 1.4	6	4
2. CƠ SỞ NGÀNH BẮT BUỘC			27	

1	LUQT03	Pháp luật kinh tế	4	2
2	CLCKT21	Nguyên lý kế toán	3	4
3	CLCMR24	Marketing căn bản	3	3
4	CLCKT20	Kế toán tài chính	3	5
5	CLCKD03	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	4
6	CLCCL06	Quản trị chiến lược	3	6
7	CLCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	5
8	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	5
9	CLCTC18	Tài chính doanh nghiệp	3	5
3. CƠ SỞ NGÀNH LỰA CHỌN			12	
1	TOKT05	Kinh tế lượng	3	5
2	TCTO10	Toán tài chính	3	5
3	CLCKD17	Giới thiệu về kinh doanh	3	4
4	CLCHO10	Quản trị học	3	4
5	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3	2
6	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3	6
7	CLCCN32	Tài chính cá nhân	3	7
8	CLCHV33	Tài chính hành vi	3	6
4. CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC			28	
1	CLCNH37	Quản trị ngân hàng thương mại	3	6
2	TCCO21	Quản lý Tài chính công	3	5
3	TCKK25	Thị trường chứng khoán	3	6
4	CLCDT19	Nguyên lý đầu tư	3	6
5	CLCTC22	Tài chính quốc tế	3	7
6	CLCBC36	Phân tích báo cáo tài chính	3	7
7	CLCRR31	Quản trị rủi ro tài chính	3	7
8	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	7
9	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
5. CHUYÊN NGÀNH LỰA CHỌN			12	
1	CLCDM29	Quản lý danh mục đầu tư	3	7
2	CLCCK27	Chứng khoán có thu nhập cố định	3	7
3	CLCDG28	Định giá tài sản	3	7
4	CLCPS34	Thị trường phái sinh	3	7
5	CLCBH26	Nguyên lý bảo hiểm	3	6
6	CLCTH16	Thuế và hệ thống thuế	3	6
7	CLCDS25	Nguyên lý kinh doanh Bất động sản	3	6
6. LỰA CHỌN TỐT NGHIỆP			6	
1	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
2	CLCTN02	Quản trị tài chính quốc tế	3	8
3	CLCTN01	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	8
TỔNG (Không bao gồm GDTC & GDQP)			142	

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
(UNDERGRADUATE CURRICULUM FOR FINANCE - BANKING MAJOR)**

*(Ban hành theo Quyết định số 503/QĐ-HVCSPT ngày 08 tháng 8 năm 2018
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO:	52340201
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:	CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH:	NGÂN HÀNG

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Tài chính – Ngân hàng đáp ứng các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc..

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về giáo dục đại cương, kiến thức căn bản về ngành Tài chính – Ngân hàng và kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Tài chính hoặc Ngân hàng để sinh viên có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và sáng tạo trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, ngân hàng và các loại hình tổ chức kinh tế – xã hội khác.

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng chuyên môn, thực hành nghiệp vụ, kỹ năng phân tích, nghiên cứu, ứng dụng ngoại ngữ, tin học, các kỹ năng mềm khác... để trở thành một cán bộ tài chính, ngân hàng chuyên nghiệp, làm việc một cách có hiệu quả trong môi trường kinh doanh hội nhập quốc tế và áp dụng công nghệ hiện đại.

Giúp cho sinh viên hiểu rõ và trau dồi phẩm chất đạo đức, tác phong của một cán bộ tài chính, ngân hàng; có ý thức trách nhiệm, nhiệt tình, tâm huyết và tự tin với nghề nghiệp, với công việc được giao.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Về kiến thức

2.1.1. Kiến thức chung của ngành

[1] Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[2] Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

[3] Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

[4] Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

[5] Có kiến thức căn bản về nền kinh tế nói chung và ngành Tài chính – Ngân hàng nói riêng như: Kiến thức về tài chính, tiền tệ, thị trường tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, thuế, tài chính công, tài chính quốc tế...

[6] Có khả năng vận dụng các kiến thức căn bản về kinh tế, Tài chính - Ngân hàng vào thực tiễn trong các hoạt động tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, đầu tư, chứng khoán, bảo hiểm.

2.1.2. Kiến thức chuyên sâu

[7] Nắm vững nguyên lý chung, cũng như kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành ngân hàng như: hệ thống các tổ chức tín dụng của Việt Nam, hoạt động của ngân hàng trung ương, hoạt động của các ngân hàng thương mại.

[8] Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và thực tiễn để biết cách đánh giá, lựa chọn các sản phẩm dịch vụ ngân hàng phù hợp, cũng như phân tích, ra quyết định và hoạch định chính sách liên quan đến lĩnh vực ngân hàng.

[9] Nắm vững các kiến thức về bảo hiểm, ngành liên quan trực tiếp tới ngân hàng.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

[10] Có kỹ năng tư duy chiến lược, tư duy quản trị, có thể nhận thức và phân tích các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, để vận dụng linh hoạt vào các hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nói chung.

[11] Có thể nhận thức các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, kỹ năng thu thập thông tin dữ liệu, phân tích, tổng hợp, đánh giá, lập luận, vận dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kiến thức của nhóm ngành tài chính để giải quyết các vấn đề thực tế về kinh tế, tài chính, ngân hàng ở tầm vi mô và vĩ mô.

Đối với chuyên ngành Ngân hàng: Có kỹ năng nghiệp vụ về các hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác trong nước và quốc tế như kế toán, nguồn vốn, tín dụng, đầu tư, thanh toán quốc tế, đầu tư tài chính, quản trị rủi ro.

[12] Khả năng sử dụng Ngoại ngữ và tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

+ Ngoại ngữ: Đối với hệ đại học chuẩn (đại trà), sinh viên cần đạt chứng chỉ 450 TOEIC quốc tế hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (450 TOEFL ITP; 45 TOEFL iBT; 4.5 IELTS).

+ Tin học: Sinh viên cần đạt 2 trong 3 chứng chỉ tin học quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) bao gồm Word, Excel và PPT đạt tổng điểm tối thiểu 1400. Hoặc đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/3014/TT-BTTTT).

2.2.2. Kỹ năng mềm

[13] Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành, khả năng tự học và nghiên cứu khoa học... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

[14] Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng.

2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

[15] Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

[16] Khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

[17] Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

3. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	CHUẨN ĐẦU RA																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1. Giáo dục đại cương																			
1	KHMI01	Kinh tế vi mô 1			x														
2	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1			x														
3	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			x														
4	LUDC01	Pháp luật đại cương		x															
5	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x		x										x				
6	TODC06	Tin học đại cương																	
7	TOCC01	Toán cao cấp 1			x														
8	TOCC02	Toán cao cấp 2			x														
9	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x																
10	THNL02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	x																
11	THDL04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	x																
12	THNL01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	x																
13	NNCS10	Tiếng anh tổng quát 1			x									x					
15	NNCS12	Tiếng anh tổng quát 3												x					
16	NNCS13	Tiếng anh tổng quát 4												x					
2.--> Giáo dục quốc phòng																			
1	GDCQP02	Giáo dục quốc phòng																	x
3.--> Giáo dục thể chất																			
1	GDTTC08	Giáo dục thể chất 1																	x

12	TCTH26	Thuế																		
7. Giáo dục chuyên nghiệp(Lựa chọn TN)																				
1	KL/TN	Khóa luận tốt nghiệp																		
2	TCTN02	Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao																		
3	TCTN01	Tài chính doanh nghiệp nâng cao																		
TỔNG SỐ (không bao gồm GDTC&GDQP)																				

- 4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:** 3,5 - 4 năm
- 5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:** 132 tín chỉ
- 6. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
- 7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
- 8. THANG ĐIỂM:** Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

9. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- 7.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc:* 30 tín chỉ
- 7.2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:* 37 tín chỉ
- 7.3. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn:* 6 tín chỉ
- 7.4. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn:* 8 tín chỉ
- 7.5. Kiến thức Giáo dục đại cương:* 45 tín chỉ
- 7.6. Kiến thức lựa chọn tốt nghiệp:* 6 tín chỉ
- Tổng số tín chỉ:** **132 tín chỉ**

10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÂN HÀNG				
TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương			45	
1	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	
2	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	
3	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
4	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	
5	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	
6	TOĐC06	Tin học đại cương	3	
7	TOCC01	Toán cao cấp 1	2	
8	TOCC02	Toán cao cấp 2	2	

9	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
10	THNL02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	
11	THĐL04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
12	THNL01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	3	
13	NNCS10	Tiếng anh tổng quát 1	3	
14	NNCS11	Tiếng anh tổng quát 2	3	
15	NNCS12	Tiếng anh tổng quát 3	3	
16	NNCS13	Tiếng anh tổng quát 4	3	
2.--> Giáo dục quốc phòng				
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8	
3.--> Giáo dục thể chất				
1	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2	
2	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2	
3	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2	
3.Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành			30	
1	TCKT05	Kế toán ngân hàng	3	
2	TCBH01	Bảo hiểm	3	
3	QTMC04	Marketing Ngân hàng	2	
4	NHTM02	Ngân hàng thương mại	3	
5	TCTW01	Ngân hàng Trung ương	3	
6	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	
7	ĐTRR06	Quản trị rủi ro	3	
8	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3	
9	TCTD01	Thẩm định tín dụng	3	
10	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	
4.Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành			37	
1	CSCS11	Chính sách công	3	
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	
3	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3	
4	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3	
5	TCKH04	Kế toán tài chính	3	
6	TOKT05	Kinh tế lượng	3	
7	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	
8	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	
9	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	
10	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	
11	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	
12	TCQT13	Tài chính quốc tế	2	
13	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	
5.Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành			6	
1	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP	3	
2	QLPP06	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP	2	
3	TCĐG01	Định giá tài sản	3	

4	TCCK06	Phân tích và Đầu tư chứng khoán	3	
5	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3	
6	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	
7	TCCO20	Quản lý tài chính công	2	
8	CLCPS34	Thị trường phái sinh	3	
6.Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành			8	
1	KHĐT10	Kinh tế đầu tư	2	
2	ĐNQT02	Kinh tế quốc tế	2	
3	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3	
4	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	
5	QTHO06	Quản trị học	3	
6	QTHO18	Quản trị học	2	
7	TCQN13	Quản trị ngân hàng thương mại	3	
8	TCQT12	Tài chính quốc tế	3	
9	TCTH11	Thuế	3	
10	TCTH26	Thuế	2	
11	TCTO11	Toán tài chính	2	
12	QTVH12	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	3	
7.Giáo dục chuyên nghiệp(Lựa chọn TN)			6	
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	
2	TCTN02	Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao	3	
3	TCTN01	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	
TỔNG SỐ (không bao gồm GDTC&GDQP)			132	